

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO
THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Giao thông vận tải**; Chuyên ngành: **Tổ chức và quản lý Giao thông vận tải**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN LƯƠNG HẢI**

2. Ngày tháng năm sinh: **24/07/1981**; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: **Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An**;

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): **603B, CC 17 tầng, tổ 14, P. Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội**;

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): **603B, CC 17 tầng, tổ 14, P. Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội**;

Điện thoại di động: **0912880643**; E-mail: **hainl@utc.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 11/2014 đến tháng 08/2006: Trợ giảng bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa Vận tải-Kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

- Từ tháng 09/2006 đến tháng 09 năm 2013: Giảng viên bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa Vận tải-Kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

- Từ tháng 10/2013 đến tháng 11/2016: Nghiên cứu sinh tại trường đại học Công nghệ Kochi- Nhật Bản.

- Từ năm tháng 12/2016 đến nay: Giảng viên bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa Quản lý xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải.

- Từ tháng 01/2011 đến tháng 9/2013: Phó Trưởng bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa

Vận tải-Kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

- Từ tháng 6/2019 đến nay: Trưởng bộ môn Kinh tế xây dựng, Khoa Quản lý xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Chức vụ: Hiện nay là Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Quản lý xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan 024.37663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: chưa nghỉ hưu

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 09 năm 2004, ngành: Kinh tế xây dựng, chuyên ngành: Kinh tế xây dựng;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Xây dựng;

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 11 năm 2009, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế xây dựng;

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học Xây dựng;

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 09 năm 2016, ngành: Khoa học và kỹ thuật, chuyên ngành: Quản lý cơ sở hạ tầng;

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường đại học Công nghệ Kochi, Nhật bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS : chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường đại học Giao thông vận tải;

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: Giao thông vận tải;

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1) Quản lý dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông/ Construction Project Management in Transport Infrastructures;

2) Nghiên cứu quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng /Research on construction firms' businesses;

3) Nghiên cứu ứng dụng phương pháp quản lý theo vòng đời dự án (LCM) trong xây dựng và quản lý khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ/ Research on life cycle management (LCM) for construction and operation management of road infrastructures;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): *Không có* NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): *06 HVCH* bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành: *01 đề tài NCKH cấp Bộ* (chủ nhiệm), *03 đề tài NCKH cấp cơ sở* (chủ nhiệm);
- Đang thực hiện: chủ trì *01 đề tài NCKH cấp Bộ 2020*
- Đã công bố 26 bài báo KH, trong đó 04 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (02 nằm trong danh mục ISI và 02 bài nằm trong danh mục Scopus);
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 quyển sách tham khảo, trong đó 01 quyển ở nhà xuất bản nước ngoài;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2010,2011,2012,2013,2019
- Giấy khen Hiệu trưởng: 2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Trong khoảng thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy tại Khoa Vận tải – Kinh tế và Khoa Quản lý xây dựng, Trường đại học Giao thông vận tải (2004-2020), ứng viên tự đánh giá theo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo:

1) Đã đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt trong hoạt động giảng dạy và sinh hoạt.
- Đạt trình độ chuẩn về chuyên môn đào tạo chuyên ngành Kinh tế và Quản lý xây dựng, có nghiệp vụ tốt, đã đạt được các chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.
- Đảm bảo đủ sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy.
- Có lý lịch bản thân rõ ràng.

2) Ứng viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ:

- Giảng dạy theo mục tiêu chuyên môn và chương trình của chuyên ngành đào tạo Kinh tế xây dựng đặt ra.
- Nhiệm vụ phân công của nhà trường trong quản lý chuyên môn nghiệp vụ tại bộ môn.
- Luôn thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách nhà Nước và các điều lệ giáo dục, giảng dạy của Nhà trường.
- Luôn giữ gìn hình ảnh của một nhà giáo, đối xử công bằng với sinh viên, sẵn sàng tư

vấn, chia sẻ và định hướng sinh viên về cả chuyên môn và quan hệ xã hội.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu đổi mới của nhà trường cũng như của xã hội.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số **10** năm 7 tháng thâm niên đào tạo (từ năm 2006-2020, không tính thời gian đi học NCS từ 2013-2016).

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010-2011	-	-	-	14	330.00	-	330.00/649.70/280
2	2011-2012	-	-	-	29	402.00	-	402.00/876.26/252
3	2012-2013	-	-	-	18	433.00	-	433.00/800.38/252
4	2016-2017	-	-	-	21	237.00	-	237.00/773.96/162
3 năm học cuối								
5	2017-2018	-	-	1	21	417.00	90.00	507.00/1161.35/270
6	2018-2019	-	-	2	21	336.00	90.00	426.00/1170.91/270
7	2019-2020	-	-	3	-	243.00	180.00	423.00/593.55/230

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

- Bảo vệ luận án TS ☒ Tại nước: Nhật bản. Năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ : Không

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒ :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : cho lớp chương trình tiên tiến (ATP) và lớp chất lượng cao Kinh tế xây dựng Việt –Anh bằng Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ☐;

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
(đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Tiến Hội		x	x		Từ 2017 đến 2018	Trường ĐH GTVT	2018
2	Khương Ngọc Ánh		x	x		Từ 2017 đến 2018	Trường ĐH GTVT	2019
3	Nguyễn Quang Khánh		x	x		Từ 2018 đến 2019	Trường ĐH GTVT	2019
4	Trần Minh Đăng		x	x		Từ 2018 đến 2019	Trường ĐH GTVT	2019
5	Đình Văn Đức		x	x		Từ 2018 đến 2019	Trường ĐH GTVT	2019
6	Hoàng Mạnh Cường		x	x		Từ 2018 đến 2019	Trường ĐH GTVT	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

5.1. Sách phục vụ đào tạo trước khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Lựa chọn phương án đầu tư	TK	Nhà Xuất bản Xây dựng, 2009	03		Tham gia biên soạn cùng tập thể tác giả ở tất cả các chương	Có giấy xác nhận sử dụng

5.2. Sách phục vụ đào tạo sau khi bảo vệ học vị TS

2	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	TK	Nhà Xuất bản Xây dựng, 2017	04		Phần biên soạn (Trang 25÷83; 202÷243)	Có giấy xác nhận sử dụng
3	Organizational Culture DOI: 10.5772/intechopen.74347 ISBN: 978-1-78984-451-1	TK	IntechOpen, 2018 (Anh)	11		Phần biên soạn (Trang 61÷82)	Có giấy xác nhận sử dụng

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329)

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/P CN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Thiết lập cơ cấu vốn tối ưu trong doanh nghiệp xây dựng	CN	T2010-VTKT-56, Cấp cơ sở	01/2010-12/2010	Nghiệm thu: 21/08/2010 (loại Tốt)
2	Nghiên cứu đề xuất phương pháp tính chi phí máy trong dự toán xây dựng công trình trên cơ sở xây dựng Định mức giờ máy thi công	CN	T2012-VTKT-10, Cấp cơ sở	01/2012-12/2012	Nghiệm thu: 11/12/2012 (loại Tốt)
3	Nghiên cứu đề xuất mô hình đánh giá toàn diện trong lựa chọn nhà thầu xây dựng tại Việt Nam	CN	T2018-KT-020, Cấp cơ sở	01/2018-12/2018	Nghiệm thu: 19/09/2018 (loại Tốt)
4	Xây dựng mô hình đánh giá kết thúc dự án đầu tư xây dựng CSHT theo hình thức đối tác công tư (PPP) tại Việt Nam	CN	DT1940-16, Cấp bộ	01/2019-12/2019	Nghiệm thu cấp bộ: 16/12/2019 (loại Tốt)
5	Xây dựng mô hình đánh giá kết thúc các dự án cơ sở hạ tầng giao thông sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Việt Nam	CN	B2019-GHA-04	01/2019-12/2020	Đang thực hiện

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS)

7.1.1. Bài báo khoa học trước khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Xây dựng cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp xây dựng	1	có	Tạp chí Khoa học GTVT (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			27, 19-22	2009
2	Giải pháp hoàn thiện kiểm soát chi phí thi công trong các doanh nghiệp xây dựng.	1	có	Tạp chí Khoa học GTVT. (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			30, 67-72	2010
3	Phân tích chi phí vòng đời của các dự án xây dựng đường cao tốc	1	có	Tạp chí Khoa học GTVT. (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			35, 21-24	2011
4	Vận dụng phân tích mô hình hồi quy tương quan để xây dựng định mức năng suất máy thi công phục vụ cho lập giá xây dựng công trình.	1	có	Tạp chí Khoa học GTVT. (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			39, 125-129	2012
5	The status quo and perspective for improvement of public works procurement performance in Vietnam.	2	có	Journal for the Advancement of Performance Information and Value. (ISSN (print): 1941-191X ISSN (online): 2169-0464)		3	6(1), 22-39	2014
6	An investigation of the relationship between project organizational culture and procurement approach of construction project organizations.	3	có	Internet Journal for Society for Social Management Systems (ISSN 2432-552X)			10(1), 50-61	2016

7.1.2. Bài báo khoa học sau khi bảo vệ học vị TS

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
7	The Impact of Project Organizational Culture on the Performance of Construction Projects	2	có	Sustainability (ISSN 2071-1050)	* ISI-SSCI&SCIE (IF=2.592, Q2)	37	9(5)	2017
8	Nghiên cứu sự ảnh hưởng các cam kết của nhà thầu xây dựng tới chất lượng dự án xây dựng tại Việt Nam	1	có	Tạp chí khoa học GTVT. (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			60, 3-11	2017
9	Nghiên cứu trạng thái vận động và hướng cải thiện hiệu suất ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam trên cơ sở tiếp cận hoạt động lựa chọn nhà thầu xây dựng	1	có	Tạp chí khoa học GTVT. (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			64, 11-19	2018
10	Nghiên cứu sự tác động của mức độ cam kết nhà thầu tới chi phí thực hiện gói thầu xây dựng tại Việt Nam	1	có	Tạp chí khoa học GTVT. (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			65, 26-35	2018
11	Nghiên cứu mối quan hệ giữa mức độ cam kết của chủ đầu tư, nhà thầu và tư vấn giám sát tới tiến độ dự án xây dựng tại Việt Nam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD. (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			12(4), 125-134	2018

12	Rủi ro trong vòng đời dự án xây dựng tại Việt Nam: Nhận diện và định hướng giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực.	2	có	Tạp chí GTVT (ISSN 2354-0818)			10, 113- 117	2018
13	Đánh giá lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu xây lắp dựa trên kỹ thuật so sánh cặp đôi của phương pháp phân tích thứ bậc".	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			12(7), 98-106	2018
14	Influence of construction project stakeholders within the project life cycle: the case of Vietnam.	1	có	The Transport Journal: Conference Proceedings on Sustainability in Civil Engineering, ICSCE2018 (Kỷ yếu hội thảo quốc tế) (ISSN 2354-0818)			150- 153	2018
15	Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình thi công đến an toàn xây dựng tại Việt Nam.	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			13(1V) , 66-74	2019
16	Relationships between critical factors related to team behaviors and client satisfaction in construction project organizations	1	có	Journal of Construction Engineering and Management. <i>ISSN (print): 0733-9364 ISSN (online): 1943-7862</i>	* ISI -SCIE (IF= 2.734, Q1)	3	145(3) , 1-10	2019
17	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của công tác lập kế hoạch đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			13(3V) , 108- 115	2019

18	Relationships between post appraisal criteria and performance of official development assistance infrastructure projects: The case studies of Vietnam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD (Số tiếng Anh) (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			14(1), 146-157	2020
19	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của công tác tổ chức thực hiện đầu tư đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			14(1V), 121-128	2020
20	Empirical Analysis of a Management Function's Failures in Construction Project Delay	1	có	Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity (ISSN 2199-8531)	*	Scopus	6(2)	2020
21	Sự ảnh hưởng của chức năng kiểm soát đến hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong đầu tư công xây dựng hạ tầng đường bộ tại Việt Nam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (KHCN XD) – ĐHXD (ISSN: 2615-9058 e-ISSN: 1859-2996)			14(2V), 122-130	2020
22	Nghiên cứu đề xuất chỉ tiêu đánh giá kết thúc đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ tại Việt Nam	1	có	Tạp chí GTVT (ISSN 2354-0818)			5, 137-140	2020
23	The impact of leadership behavior on efficiency of the public investment management of road infrastructure: the case of Vietnam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Giao Thông Vận Tải (Số tiếng Anh) (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			71(4), 328-335	2020
24	Nghiên cứu tiên lượng giữa các chỉ tiêu đánh giá kết thúc đầu tư và hiệu quả thực hiện dự án cơ sở hạ tầng giao thông tại Việt Nam	1	có	Tạp chí GTVT (ISSN 2354-0818)			6, 151-154	2020

25	Nghiên cứu mô hình ảnh hưởng của hành vi tổ chức dự án đến chất lượng đạt được của các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông tại Việt Nam	1	có	Tạp Chí Khoa Học Giao Thông Vận Tải (ISSN: 1859-2724 e-ISSN: 2615-9554)			71(5), 458-471	2020
26	The influence of team commitment on client satisfaction in construction project organizations	1	có	International Journal of Project Organization and Management (ISSN online 1740-2905 ISSN print 1740-2891)	*	Scopus	(Chờ xuất bản)	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế : Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chương trình đào tạo:

- Ủy viên Tiểu ban rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình tiên tiến và chất lượng cao Kinh tế xây dựng công trình giao thông Việt-Anh. Quyết định số 716/QĐ-ĐHGTVT ngày 16/4/2018.

- Trưởng Tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập ngành Kinh tế xây dựng. Quyết định 2115/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/10/2019

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: Không có

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký



TS. Nguyễn Lương Hải